

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: 439/NĐĐT-KHVT

V/v báo giá cung cấp dịch vụ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán ***“Gói thầu: Thuê ngoài quấn lại cuộn dây động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV năm 2025”***. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý đơn vị báo giá chi phí dịch vụ sửa chữa theo các phụ lục đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: Tại đơn vị cung cấp dịch vụ sửa chữa.

- Hiệu lực của báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Thời gian bảo hành: 03 tháng kể từ ngày bàn giao thiết bị vào vận hành.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Khu Đông Sơn - phường Bình Khê - thành phố Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Vũ Thanh Tuấn - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0822.444.789).

- Thời gian báo giá: Chậm nhất ngày 26/02/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCHC, KHVT.

Q. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Đức Hùng

PHỤ LỤC 1. BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số **H39** **NĐĐT-KHVT** ngày **20** /02/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(6)	(8)
1	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 200 kW	Cái	2				02 vòng bi 6319/C3 của hãng SKF
2	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 185 kW	Cái	1				02 vòng bi 6319 của hãng SKF
3	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 160 kW	Cái	1				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 01 vòng bi NU319/C3 - 01 vòng bi 6319/C3 của hãng SKF; Loại 2: 02 vòng bi 6322 của hãng SKF; Loại 3: 02 vòng bi 6319 của hãng SKF; Loại 4: 01 vòng bi NU319 và

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
							01 vòng bi 6319 của hãng SKF
4	Động cơ điện không đồng bộ, roto lồng sóc 0,4kV, công suất 110 kW	Cái	1				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 02 vòng bi 6322FR của hãng SKF; Loại 2: 02 vòng bi 6316 của hãng SKF; Loại 3: 02 vòng bi 6319/C3 của hãng SKF; Loại 4: 02 vòng bi 6319 của hãng SKF.
5	Động cơ điện không đồng bộ, roto lồng sóc 0,4kV, công suất 90 kW	Cái	1				02 vòng bi 6317 của hãng SKF.
6	Động cơ điện không đồng bộ, roto lồng sóc 0,4kV, công suất 75 kW	Cái	1				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 02 vòng bi 6314 của hãng SKF; Loại 2: 01 vòng bi 6314/C3 - 01 vòng bi 6317/C3 của hãng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
							SKF. Loại 3: 02 vòng bi 6317 của hãng SKF
7	Động cơ điện không đồng bộ, roto lồng sóc 0,4kV, công suất 55 kW	Cái	1				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 02 vòng bi 6314 của hãng SKF; Loại 2: 01 vòng bi 6313/C3 - 01 vòng bi 6314/C3 của hãng SKF
8	Động cơ điện không đồng bộ, roto lồng sóc 0,4kV, công suất 45 kW	Cái	1				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 02 vòng bi 6313 của hãng SKF Loại 2: 02 vòng bi 6313/C3 của hãng SKF Loại 3: 01 vòng bi 6313/C3 - 01 vòng bi 6312 của hãng SKF Loại 4: 01 vòng bi 6313/C3 - 01 vòng bi 6312/C3 của hãng

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
							SKF
9	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 37 kW	Cái	3				02 vòng bi 6319/C3 của hãng SKF
10	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 30 kW	Cái	3				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 01 vòng bi 6312/C3 - 01 vòng bi 6313/C3 của hãng SKF Loại 2: 02 vòng bi 6312 của hãng SKF Loại 3: 01 vòng bi NU313EC - 01 vòng bi 6313/C3 của hãng SKF Loại 4: 02 vòng bi 6314 của hãng SKF
11	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 22 kW	Cái	3				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 01 vòng bi 6212/C3 - 01 vòng bi 6312 của hãng SKF

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
							Loại 2: 02 vòng bi 6313/C3 của hãng SKF Loại 3: 02 vòng bi 6309 2Z của hãng SKF Loại 4: 02 vòng bi SKF 6311/C3 của hãng SKF Loại 5: 01 vòng bi 6213 2Z/C3 - 01 vòng bi 6312 2Z/C3 của hãng SKF
12	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 18 kW	Cái	3				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 02 vòng bi 6311 2RZ của hãng SKF Loại 2: 01 vòng bi 6311 - 01 vòng bi 6211 của hãng SKF
13	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 15 kW	Cái	7				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 01 vòng bi 6209 2RZ - 01 vòng bi 6309 2RZ của hãng SKF; Loại 2: 02 vòng bi 6309 2Z

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
							của hãng SKF Loại 3: 01 vòng bi 6309 2RS - 01 vòng bi 6209 2RS của hãng SKF
14	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 11 kW	Cái	7				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 02 vòng bi 6309 2RZ của hãng SKF Loại 2: 02 vòng bi 6310 2Z của hãng SKF Loại 3: 02 vòng bi 6309 2RS1 của hãng SKF Loại 4: 02 vòng bi 6309 2Z của hãng SKF Loại 5: 02 vòng bi 6308 2Z của hãng SKF Loại 6: 01 vòng bi 6308 2Z - 01 vòng bi 6309 2Z của hãng SKF
15	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất	Cái	5				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
	7,5 kW						Loại 1: 02 vòng bi 6208 2RS của hãng SKF Loại 2: 02 vòng bi 6308 2Z của hãng SKF Loại 3: 02 vòng bi 6208 2Z của hãng SKF Loại 4: 01 vòng bi 6309 2Z/C3 - 01 vòng bi 6209 2Z/C3 của hãng SKF
16	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 5,5 kW	Cái	5				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 01 vòng bi 6308 2Z - 01 vòng bi 6307 2Z của hãng SKF Loại 2: 01 vòng bi 6307 2Z/C3 - 01 vòng bi 6208 2Z/C3 của hãng SKF Loại 3: 02 vòng bi 6208 2Z của hãng SKF
17	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất	Cái	5				02 vòng bi 6308 2Z của hãng SKF

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
	4,0 kW						
18	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 3,0 kW	Cái	5				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 02 vòng bi 6206 2Z của hãng SKF Loại 2: 02 vòng bi 6206 2RS1 của hãng SKF Loại 3: 02 vòng bi 6306 2RS1 của hãng SKF Loại 4: 01 vòng bi 6306 2Z/C3 -01 vòng bi 6205 2Z/C3 của hãng SKF
19	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 2,2 kW	Cái	3				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 01 vòng bi 6206 2Z - 01 vòng bi 6306 2Z của hãng SKF Loại 2: 02 vòng bi 6206 2Z của hãng SKF Loại 3: 02 vòng bi 6205 2RZ của hãng SKF

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
							Loại 4: 02 vòng bi 6206 2RZ của hãng SKF
20	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 1,5 kW	Cái	7				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 02 vòng bi 6205 2Z của hãng SKF Loại 2: 02 vòng bi 6205 2RSH của hãng SKF Loại 3: 02 vòng bi 6206 2Z của hãng SKF
21	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 1,1 kW	Cái	5				Thay thế vòng bi tương thích với vòng bi cũ của động cơ sau khi tháo ra
22	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,75 kW	Cái	5				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 02 vòng bi 6306 2RZ của hãng SKF Loại 2: 02 vòng bi 6306 2Z/C3 của hãng SKF Loại 3: 02 vòng bi 6208 2RZ

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
							của hãng SKF
23	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,6 kW	Cái	5				Thay thế vòng bi tương thích với vòng bi cũ của động cơ sau khi tháo ra
24	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,55 kW	Cái	5				Thay thế vòng bi thích hợp với từng loại động cơ gồm: Loại 1: 01 vòng bi 6303 2Z - 01 vòng bi 6204 2Z của hãng SKF Loại 2: 02 vòng bi 6204 2RSH của hãng SKF Loại 3: 02 vòng bi 6204 2Z của hãng SKF
25	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,37 kW	Cái	5				01 vòng bi 6202 2Z và 01 vòng bi 6303 2Z của hãng SKF
26	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,25 kW	Cái	7				02 vòng bi 6004 2Z của hãng SKF

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá chào trước thuế GTGT (đồng/đvt)	Đơn giá chào sau thuế GTGT 10% (đồng/đvt)	Thành tiền sau thuế GTGT (đồng)	Ghi chú (Loại vòng bi do bên B cung cấp)
27	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,21 kW	Cái	5				02 vòng bi 6206 2RS của hãng SKF
28	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,18 kW	Cái	5				02 vòng bi 6206 2RS của hãng SKF
29	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,12 kW	Cái	5				02 vòng bi 6206 2RS của hãng SKF
30	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,09 kW	Cái	5				02 vòng bi 6206 2RS của hãng SKF
Tổng giá trị chào (đã bao gồm thuế GTGT)							

*** Ghi chú:**

- Đơn giá trên đã bao gồm cả giá trị vòng bi do Bên B cung cấp;
- Dây đồng, vòng bi hỏng phải được thu cũ trả về Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV;
- Đơn giá báo giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển.

PHỤ LỤC 2. PHẠM VI VÀ NỘI DUNG CÔNG VIỆC

(Kèm theo Văn bản số *H39* /NĐĐT-KHVT ngày *20* /02/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

1. Phạm vi công việc

- Bên mời cung cấp dịch vụ (Bên A): Tách các động cơ ra khỏi dây chuyền sản xuất để bàn giao cho Bên cung cấp dịch vụ (Bên B);

- Bên B: Tiếp nhận các động cơ từ Bên A, bố trí phương tiện để vận chuyển các động cơ từ NMNĐ Mạo Khê đến nơi sửa chữa, tiến hành các nội dung công việc sửa chữa theo quy định, bố trí phương tiện để vận chuyển các động cơ từ nơi sửa chữa đến NMNĐ Mạo Khê để bàn giao cho Bên A, phối hợp với Bên A để nghiệm thu các động cơ sau sửa chữa theo quy định.

2. Nội dung công việc

- Bên B tiếp nhận, vận chuyển các động cơ từ NMNĐ Mạo Khê đến nơi sửa chữa;

- Bên B thực hiện các công việc sửa chữa sau:

+ Thực hiện giải thể các động cơ dưới sự giám sát của Bên A;

+ Giải thể động cơ, rút rotor;

+ Vệ sinh động cơ, quấn lại cuộn dây, tẩm sấy cách điện cuộn dây đảm bảo đảm bảo Kiểm tra điện trở cách điện, hệ số hấp thụ sau khi sấy: $Kht = R_{60''}/R_{15''} \geq 1,3$;

+ Tẩm sơn cách điện bộ dây stator, làm sạch sơn cách điện bám trên bề mặt vỏ động cơ và lòng trong Stator;

+ Sấy khô stator ở nhiệt độ 130°C thời gian liên tục 36h đảm bảo Kiểm tra điện trở cách điện, hệ số hấp thụ sau khi sấy: $Kht = R_{60''}/R_{15''} \geq 1,3$;

+ Thay dây dẫn đầu ra, thay bảng cầu đấu dây, thay cầu đấu dây nếu không đảm bảo cách điện;

+ Vệ sinh vỏ stator, kiểm tra, sửa chữa ổ đỡ vòng bi;

+ Thay vòng bi gối trục động cơ (Trước khi thay vòng bi Bên B phải thông báo cho Bên A để kiểm tra chủng loại vòng bi phù hợp với động cơ và là vật tư mới chưa qua sử dụng);

+ Đo kiểm tra các thông số điện trở cách điện, điện trở một chiều;

+ Lắp ráp động cơ, chạy thử không tải;

- Bên B vận chuyển các động cơ từ nơi sửa chữa đến NMNĐ Mạo Khê để bàn giao cho Bên A;

- Bên B phối hợp với Bên A để nghiệm thu các động cơ sau sửa chữa theo quy định.

PHỤ LỤC 3. ĐIỀU KIỆN NGHIỆM THU KỸ THUẬT

(Kèm theo Văn bản số 439 /NĐĐT-KHVT ngày 20 /02/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung yêu cầu	Ghi chú
1	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 200 kW	Nghiệm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq 136A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
2	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 185 kW	Nghiệm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq 126,4A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
3	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 160 kW	Nghiệm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq 112A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
4	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 110 kW	Nghiệm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq 84,4A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
5	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 90 kW	Nghiệm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq 62,7A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
6	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 75 kW	Nghiệm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq 52,5A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
7	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 55 kW	Nghiệm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq 39,2A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
8	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 45 kW	Nghiệm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq 32,1A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
9	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 37 kW	Nghiệm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq 26,6A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung yêu cầu	Ghi chú
10	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 30 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 24A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
11	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 22 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 16,8A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
12	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 18 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 14,4A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
13	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 15 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 12,1A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
14	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 11 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 8,6A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
15	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 7,5 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 7,25A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
16	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 5,5 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 5,85A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
17	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 4,0 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 4,28A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
18	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 3,0 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 3,25A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
19	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 2,2 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thay thử không tải $\leq 2,4A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung yêu cầu	Ghi chú
20	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 1,5 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 2,4A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
21	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 1,1 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 1,56A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
22	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,75 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 1,1A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
23	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,6 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 1,1A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
24	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,55 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 1,1A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
25	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,37 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 1A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
26	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,25 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 0,8A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
27	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,21 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 0,6A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
28	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,18 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 0,6A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút
29	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,12 kW	Nghiên thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện thảy thử không tải $\leq 0,5A$	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút

STT	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung yêu cầu	Ghi chú
30	Động cơ điện không đồng bộ roto lồng sóc 0,4kV, công suất 0,09 kW	Nghiêm thu không tải đạt yêu cầu sau: Dòng điện chạy thử không tải $\leq$ 0,5A	Thời gian chạy thử không tải tối thiểu 60 phút

PHỤ LỤC 4. CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

(Kèm theo Văn bản số 439 /NĐĐT-KHVT ngày 20 /02/2025 của Công ty
nhiệt điện Đông Triều - TKV)

1. Địa điểm, thời gian và tiến độ thực hiện

- Địa điểm: Bên B sẽ thực hiện công việc tại xưởng sửa chữa của Bên B.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Tiến độ thực hiện hợp đồng: Bên B phải hoàn thành công việc sửa chữa đối với từng động cơ trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Bên A bàn giao động cơ cho Bên B.

2. Điều khoản thanh toán

- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng đồng Việt Nam.
- Số lần thanh toán: Thanh toán từng đợt cho Bên B khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu.
- Thời gian thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng bốn mươi năm (45) ngày sau khi Bên A nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ.
- Chứng từ thanh toán:
 - + Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B;
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành (từng đợt) được ký kết bởi đại diện của hai bên;
 - + Biên bản thanh/quyết toán được ký kết bởi đại diện của hai bên;
 - + Hoá đơn tài chính hợp lệ do Bên B phát hành.

3. Loại hợp đồng

- Theo đơn giá cố định.

4. Bảo hành và khắc phục khiếm khuyết

- Thời hạn bảo hành: Thời gian thực hiện bảo hành: 03 tháng kể từ ngày động cơ được nghiệm thu không tải.
- Khắc phục khiếm khuyết:
 - + Trong thời gian bảo hành, nếu có hư hỏng do lỗi của Bên B thì Bên B phải khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế phần bị hỏng trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A (bằng văn bản hoặc điện thoại).
 - + Trường hợp Bên B không khắc phục khiếm khuyết trong khoảng thời gian được quy định theo Hợp đồng, Bên A có thể thuê tổ chức khác khắc phục các khiếm khuyết, xác định chi phí khắc phục khiếm khuyết và Bên B sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.